

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/DS-PT

Ngày 11 tháng 12 năm 2024

V/v *Kiến nghị đòi tài sản*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hoàn và ông Ngô Thế Tương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 60/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "*Kiến nghị đòi tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:*

Từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2022, ông H cho bà X vay tổng số tiền 1.075.000.000 đồng. Cụ thể: Tháng 8/2019, ông H đưa cho chị Trần Thị N (con gái ông H) 305.000.000 đồng để giao cho bà X vay; lần 2 ngày 05/4/2022 và ngày 25/4/2022, bà X vay 120.000.000 đồng; lần 3 vào tháng 4/2022, bà X vay 450.000.000 đồng và lần 4 tháng 3/2023 bà X vay 200.000.000 đồng. Ngày 10/9/2023, bà X đã trả cho ông H 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bà X còn nợ ông là 975.000.000 đồng. Ông H cho bà X vay với lãi suất là 2%/tháng. Bà X đã thanh toán lãi hàng tháng đầy đủ cho ông đến tháng 11/2023 thì không trả lãi nữa. Tính đến tháng 8/2024, bà X còn phải trả ông tiền lãi là 20.000.000 đồng x 8 tháng là 160.000.000 đồng. Số tiền ông cho bà X vay là tiền riêng của ông.

Sau đó ông H rút yêu cầu khởi kiện về việc bà X phải trả lãi, chỉ yêu cầu bà X trả nợ gốc cho ông là 975.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà X có vay của ông H lần 1 là 120.000.000 đồng; lần 2 là 450.000.000 đồng; lần 3 là 200.000.000 đồng. Bà đã trả được 100.000.000 đồng nên hiện nay bà chỉ còn nợ ông H 670.000.000 đồng. Ông H tính lãi suất của bà là 24% - 30%/năm, bà đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho ông H đến tháng 10/2023. Đối với khoản vay 305.000.000 đồng, ông H khai bà vay vào tháng 08/2019 là bà vay của chị Trần Thị N, hàng tháng chị trả lãi cho chị N chứ không phải ông H.

Các khoản vay trên là do một mình bà vay, bà không sử dụng tiền vay vào việc sinh hoạt chung của gia đình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trần Thị N trình bày: Khoản tiền 305.000.000 đồng chị cho bà X vay là tiền của bố chị đưa cho chị để cho bà X vay vào tháng 8/2019, lãi suất 2,5%/tháng. Bà X trả lãi hàng tháng cho chị để chị đưa cho bố chị. Nay bố chị là ông Trần Văn H khởi kiện bà X yêu cầu bà X trả lại bố chị 975.000.000 đồng chị hoàn toàn nhất trí, không có yêu cầu gì khác.

Bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 975.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị X không thi hành án hoặc thi hành được một phần thì phần chưa thi hành án bà X phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về việc buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho ông H số tiền nợ lãi đối với khoản tiền vay 975.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 41.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 12/8/2024, bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án, bởi bà X cho rằng: Phiên tòa sơ thẩm không có kiểm sát viên tham gia tố tụng; khoản vay 120.000.000 đồng không phải vay vào ngày 05/4/2022 và ngày 25/4/2022 như bản án sơ thẩm công bố; tổng lãi đã trả ông H và chị N với lãi suất 24%, 30% đã trả đến tháng 11/2023 ông H, chị N đã công nhận và Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã nhận định đúng nhưng số tiền là bao nhiêu thì lại không đề cập đến. Thực tế bà X đã phải trả lãi cho ông H, chị N 1.083.795.000 đồng, đây là cho vay lãi nặng so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà X đề nghị bà chỉ phải trả lãi cho ông H, chị N với mức lãi suất 10%/năm = 364.720.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, đối trừ số tiền lãi bà đã trả cho ông H là 1.083.795.000 đồng - 364.720.000 đồng (nợ lãi phải trả), còn 719.075.000 đồng chuyển trả vào nợ gốc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên kháng cáo và tranh luận: Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật, bà X không có ý kiến gì về việc tại phiên tòa sơ thẩm không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia tố tụng. Về nội dung: Bà X vẫn thừa nhận đã vay của ông H

670.000.000 đồng và vay chị N 305.000.000 đồng. Bà X chỉ đề nghị Toà án xem xét quá trình vay nợ, trả lãi thì bà đã trả lãi cao cho ông H, chị N vượt quá quy định về lãi suất của pháp luật là 719.075.000 đồng, nên bà đề nghị đối trừ khoản lãi vượt quá này để trả vào nợ gốc cho ông H.

Ông H tranh luận: Những lời trình bày của bà X là không đúng, đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị N tranh luận: Bà X trình bày như vậy là không đúng, số tiền mà bà X vay từ chị N là do bố chị đưa cho, số tiền lãi bà X trả chị N cũng đưa lại cho ông H. Vì vậy, chị N đề nghị Toà án buộc bà X phải trả lại toàn bộ nợ gốc cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo bà Nguyễn Thị X làm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X thì thấy: Tại phiên tòa, bà X đều xác nhận có vay của ông H, chị N tổng số tiền 975.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H, chị N đều xác định số tiền 305.000.000 đồng bà X vay từ chị N là tiền ông H đưa cho chị N để đưa cho bà X vay nên ông H có quyền yêu cầu bà X trả lại toàn bộ khoản tiền đã cho vay là 975.000.000 đồng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm buộc bà X phải trả cho ông H 975.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc bà X cho rằng, ông H cho bà vay với lãi suất cao, tổng tiền lãi X đã trả cho ông H là 1.083.795.000 đồng, vượt quá số tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật là 719.075.000 đồng và đối trừ số tiền này vào trả nợ gốc cho ông H nhưng bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc ông H cho bà

X vay với lãi suất cao và đã trả số tiền lãi như bà X trình bày. Bảng kê trả các khoản lãi bà X đã giao nộp tại phiên tòa nhưng không có xác nhận, không có thừa nhận của ông H, chị N nên không phải là tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả lãi suất cao. Bà X không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà X phải trả nợ gốc cho ông H là 975.000.000 đồng. Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích quy định của pháp luật về các trường hợp không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm nên bà X không có ý kiến gì về nội dung này nữa nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Qua xem xét bản án dân sự sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy bản án tuyên về cách lãi suất sau khi có đơn yêu cầu thi hành án chưa đúng quy định của pháp luật nên cần sửa nội dung này.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa cách tuyên về tính lãi suất khi thi hành án.

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 975.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về việc buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho ông H số tiền nợ lãi đối với khoản tiền vay 975.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2023 đến ngày Toà án xét xử vụ án.

1.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 41.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng bà X đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002734 ngày 26/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm cho bà X.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/12/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS h. Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

